

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN**

Số /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thọ Xuân, ngày tháng năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang huyện Thọ Xuân đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 01/7/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về xây dựng và phát triển huyện Thọ Xuân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 1021-TB/HU ngày 15/7/2022 của Văn phòng Huyện ủy về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về chủ trương xây dựng quy hoạch chung các xã trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 30/VB-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã Xuân Giang về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan đơn vị tại các Văn bản số 9021/SXD-QH ngày 03/12/2021 của Sở Xây dựng; số 5760/SGTVT-KHTC ngày 17/11/2021 của Sở Giao thông Vận tải; số 5354/SNN&PTNT-KHTC ngày 18/11/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nội dung đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Giang về việc Thông qua đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (kèm theo Văn bản thẩm định) và đề nghị của UBND xã Xuân Giang tại Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 19/9/2022 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang huyện Thọ Xuân đến năm 2030, với nội dung như sau:

Tên đồ án, phạm vi ranh giới lập Điều chỉnh quy hoạch:

a. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang huyện Thọ Xuân đến năm 2030.

b. Phạm vi, ranh giới lập Điều chỉnh quy hoạch:

Phạm vi ranh giới nghiên cứu trên toàn bộ địa giới hành chính xã Xuân Giang. Ranh giới cụ thể giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp xã Xuân Trường, Xuân Hòa, Thọ Hải huyện Thọ Xuân;
- Phía Nam giáp xã Xuân Sinh, huyện Thọ Xuân;
- Phía Đông giáp xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân;
- Phía Tây giáp xã Xuân Hưng, huyện Thọ Xuân;
- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 517,32ha

1. Quan điểm, mục tiêu lập Điều chỉnh quy hoạch

- Cụ thể hoá đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ định hướng phát triển theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

- Quy hoạch phải mang tính kế thừa và phát huy nội dung đồ án xây dựng nông thôn mới xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân được duyệt, Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành trong đó đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Căn cứ bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tỉnh từ đó xác định vai trò, vị thế của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Xác định tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, định hình quy mô và định hướng phát triển của địa phương phù hợp theo định hướng của vùng, tỉnh theo các giai đoạn 2020 – 2025 và 2026 - 2030.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển cụm công nghiệp, du lịch, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. Tính chất khu vực lập điều chỉnh quy hoạch.

- Với lợi thế về vị trí khi nằm giữa cảng hàng không Thọ Xuân và thị trấn Thọ Xuân đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối, vùng đệm và vùng trung chuyển giữa cảng hàng không Thọ Xuân với các vùng động lực lân cận trong và ngoài huyện. Cơ sở hạ tầng xã hội và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật cấp xã (giao thông, cấp điện, thông tin liên lạc), đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

- Quỹ đất, giao thông thuận lợi cho việc đầu tư, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại lâu dài, gắn với xây dựng mô hình nông thôn mới.

- Diện tích đất nông nghiệp được dồn điền đổi thửa, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (sản xuất lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, rau màu ...).

3. Quy mô, cơ cấu dân số, lao động.

- Dân số hiện trạng: Khoảng 4.465 người.

- Dân số dự báo:

+ Đến năm 2025: Khoảng 5.500 người;

+ Đến năm 2030: khoảng 6.600 người.

- Lao động và cơ cấu nghề nghiệp:

+ Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 3.300 người), trong đó: lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp khoảng 2.145 người, chiếm khoảng 65%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 1.155 người, chiếm khoảng 35%. Lao động qua đào tạo khoảng 1.815 người, đạt 55%.

+ Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 3.960 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp khoảng 2.376 người chiếm khoảng 60%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 1.584 người, chiếm khoảng 40%. Lao động qua đào tạo khoảng 2.574 người, đạt 65%.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành theo Thông tư 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

* Về sử dụng đất: Nhu cầu đất xây dựng khoảng 41-50 m²/người.

+ Đất ở: 25-30 m²/người.

+ Đất công trình công cộng và dịch vụ: 5-6 m²/người.

+ Đất cây xanh công cộng: 2-3 m²/người.

+ Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6 m²/người.

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

+ Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường: 0,8 kg rác/người/ngày/đêm.

- Về cấp nước tiêu chuẩn: 60 - 80 lít/người/ngày-đêm.

- Về thoát nước bản tiêu chuẩn: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

- Về cấp điện:

+ Tiêu chuẩn cấp điện: $\geq 200\text{W}$ /người/ngày/đêm.

+ Chiều sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$.

5. Định hướng hình thức kiến trúc các công trình công cộng, dịch vụ, nhà ở và các vật thể kiến trúc khác.

5.1. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm cũ

- Trên địa bàn xã hiện nay có 05 thôn (thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5). dân cư phân bố thành từng cụm nhỏ rải rác khắp xã xen lẫn với hệ thống sản xuất nông nghiệp. Các khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng, tuy nhiên cần phải chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban

hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

- Để đáp ứng việc phát triển dân cư cùng, với sự gia tăng dân số cơ học cần phải xây dựng thêm các điểm khu dân cư mới, trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng xuất thấp; theo đó theo các giai đoạn được xác định như sau:

+ Đến năm 2025: bố trí khu dân cư mới với tổng diện tích 15,27ha trong đó: tại vị trí thôn 1 và thôn 2 (ô đất có ký hiệu DCM01, DCM02, DCM03, DCM04, DCM05, DCM06)

+ Đến năm 2030: bố trí khu dân cư mới với tổng diện tích 12,75ha (ô đất có ký hiệu DCM-1)

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Khu vực trung tâm xã có vị trí tại thôn 2 qua kiểm kê đánh giá hệ thống công trình này cơ bản đã đáp ứng đủ quy mô diện tích cũng như cơ sở vật chất.

- Trên cơ sở rà soát hệ thống giao thông và quỹ đất thuận lợi xây dựng, khu Trung tâm xã được bố trí tập trung tại thôn 2, với quy mô diện tích khoảng 0,81ha; trong đó gồm hạng mục: UBND xã, hội trường văn hóa, Công an, nhà thi đấu đa năng, Đài tưởng niệm

- Trung tâm văn hoá, đất thương mại được quy hoạch mới về phía Nam UBND xã. Khu văn hoá thể dục thể thao xã được quy hoạch mới tại thôn 3 tiếp giáp với khu vực chợ hiện nay về phía Nam.

- Các công trình giáo dục: Trường THCS, Tiểu học hiện có mở rộng khuôn viên trường, cải tạo chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất. Trường mầm non hiện tại thôn 2 diện tích khu đất hẹp (2.792 m²), không đủ diện tích để bố trí các hạng mục như khuôn viên vui chơi vườn cổ tích, các thiết bị vui chơi (Cầu trượt, đu quay, nhà bóng...) để đáp ứng tốt nhu cầu dạy học cho các cháu nên được quy hoạch tại thôn 1 với quy mô 1.19ha.

- Các công trình Y tế tại thôn 2, hiện nay đã đảm bảo diện tích và quy mô diện tích, do đó chỉ cải tạo chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất

- Việc quy hoạch chỉnh trang khu trung tâm xã tại vị trí này đảm bảo giao thông thuận lợi cho việc làm việc và quản lý của xã, đồng thời đảm bảo được kịp thời nhu cầu của người dân trên địa bàn xã.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ, công cộng.

- Theo định hướng đồ án quy hoạch vùng huyện Thọ Xuân, trên địa bàn xã có điểm kinh doanh thương mại dịch vụ cấp vùng, diện tích khoảng 4,75ha được bố trí tại thôn 1 (Phía Tây Bắc xã).

Theo quy hoạch sử dụng đất của huyện, Trên địa bàn xã có bố trí một phần đất xây dựng bệnh viện Tư nhân vị trí phía Đông Bắc thôn 1 (Phần tiếp với giáp xã Tây Hồ)

a. Ngành trồng trọt

- Khu đất nông nghiệp toàn xã: Đến năm 2030 xã có diện tích đất là 238.35ha nằm ở tất cả các thôn. Trong đó:

+ Đất trồng lúa có diện tích là 206,23ha.

+ Đất trồng màu có diện tích là 31,12ha.

b. Nuôi trồng thủy sản

- Đến năm 2030 xã có diện tích đất khoảng 2,33ha nằm ở tất cả các thôn.

5.4. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
1	Trụ sở UBND, công an, hội trường, nhà đa năng, đài TNLS	Thôn 2	Giữ nguyên hiện trạng	0.81	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình cấp xã + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Diện tích đất xây dựng: không nhỏ hơn 1.000m ² ; + Diện tích cây xanh ≤40%
2	Trung tâm văn hoá	Thôn 2	Giữ nguyên hiện trạng	1.51	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình cấp xã + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Diện tích đất xây dựng: không nhỏ hơn 13000m ² ; + Diện tích cây xanh ≤30%
4	Giáo dục				
4.1	Trường THCS	Thôn 2	Quy hoạch mở rộng	0.90	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40% + Diện tích cây xanh ≥30%
4.2	Trường tiểu học, mầm non	Thôn 2	Quy hoạch mới trường mầm non. Trường tiểu học giữ nguyên hiện trạng	2.36	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với cảnh quan xung quanh + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤40% + Diện tích cây xanh ≥30%
5	Đất Y tế				
5.1	Trạm Y tế	Thôn 2	Giữ nguyên hiện trạng	0.16	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng ngành y tế. + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng ≤40% + Diện tích cây xanh ≤45%

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)	Định hướng kiến trúc
5.2	Đất y tế QH SDD huyện Thọ Xuân	Thôn 1	Quy hoạch mới	4.87	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng ngành y tế. + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\leq 45\%$
6	Thương mại, dịch vụ				
6.1	Thương mại, dịch vụ	Thôn 1	Quy hoạch mới	4.75	+ Mật độ xây dựng $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\leq 45\%$
6.2	Chợ thương mại	Thôn 3	Mở rộng	0.93	+ Mật độ xây dựng $\leq 40\%$ + Diện tích cây xanh $\leq 45\%$
7	Nhà văn hóa thôn		Giữ nguyên hiện trạng thôn 1;2 và 5; thôn 3;4 vị trí mới		Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng của công trình văn hóa + Chiều cao từ 1-2 tầng; + Mật độ xây dựng $\leq 40\%$
8	Khu thể thao thôn				
8.1	Khu thể thao thôn 1	Thôn 1	Mở rộng	0.49	Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, mang đặc trưng của công trình thể thao +Vùng 1 diện tích từ $>300m^2$ (chưa kể sân bóng đá) +Vùng 2 diện tích từ $>500m^2$ (chưa kể sân bóng đá) + Sân bóng đá: diện tích 45x90m; 60x100m; 70x110m; 90x120m; mặt sân cỏ phẳng, khô thoáng, có cầu môn.
8.2	Khu thể thao thôn 2	Thôn 2	Lấy SVD cũ của xã	0.56	
8.3	Khu thể thao thôn 3	Thôn 3	Quy hoạch mới	0.43	
8.4	Khu thể thao thôn 4	Thôn 4	Mở rộng	0.63	
8.5	Khu thể thao thôn 5	Thôn 5	Giữ nguyên hiện trạng	0.42	

5.5. Quy hoạch sử dụng đất

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	MĐXD (%)	TCTB (TẦNG)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
A	ĐẤT NÔNG NGHIỆP				238,86	46,17	
1	Đất trồng trọt				236,53	45,72	
1.1	Đất trồng lúa	LUC			205,41	39,71	
B	ĐẤT XÂY DỰNG				241,47	46,68	
1	Đất dân cư hiện trạng	HT	80	3-5	102,93	19,90	Giữ nguyên hiện trạng, cải tạo chỉnh trang
2	Đất ở mới	DCM	80	3-5	15,27	2,95	Quy hoạch mới - ngắn hạn
3	Đất ở mới đến năm 2030	DCM	80	3-5	12,75	2,46	Quy hoạch mới - dài hạn
4	Đất trung tâm Hành chính				2,32	0,45	Hiện trạng - mở rộng

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	MĐXD (%)	TCTB (TẦNG)	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
5	Đất y tế	YT	40	1-3	5.03	0.97	Xây dựng mới
6	Buru điện	BD	80	1-2	0.02		Giữ nguyên hiện trạng
7	Đất giáo dục	GD	40	1-2	3.26	0.63	Giữ nguyên, xây dựng mới
8	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	CX-TT	30	1-2	2.48	0.48	Quy hoạch mới- ngắn hạn
9	Đất cây xanh cảnh quan, cách ly	CXCQ			1.90	0.37	
10	Công trình công cộng	CC	40	1-2	0.40	0.08	Quy hoạch mới, giữ nguyên hiện trạng
11	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	CCN	50	1-2	11.00	2.12	Cập nhật định hướng QH vùng huyện
12	Đất dịch vụ thương mại	TM-	50	1-2	5.68	1.10	
13	Đất dự trữ phát triển	DT			21.58	4.17	
14	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT			56.87	11.00	
14.1	Đất giao thông	GT			49.86	9.64	
14.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	ND			7.02	1.36	
14.3	Đất tập trung rác thải	CTDM			0.24	0.05	
C	ĐẤT KHÁC				36.99	7.15	
1	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối và đất có mặt nước chuyên dùng	DMN			28.26	5.46	
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS			8.73	1.69	
	TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH				517.32	100.00	

6. Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường nối từ thị trấn Thọ Xuân đi Lam Sơn Sao Vàng với quy mô đường cấp III, 2-4 làn xe;

- Đường Xuân Hưng nối từ thị trấn Thọ Xuân đi thị trấn Lam Sơn với quy mô đường cấp III, 2-4 làn xe;

b) Hệ thống giao thông đối nội.

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm, nội đồng trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Quy hoạch mới trục đường chính của xã trong đó: Số làn xe: 2-4 làn; Lộ giới 20,5m ;
- Các tuyến liên thôn, trục thôn chính trong đó: Số làn xe: 2làn; Lộ giới 17.5m;
- Các tuyến nội thôn, nội đồng, trục xóm, ngõ trong đó: Số làn xe: 2làn; Lộ giới 11.5m.

6.2. Hệ thống điện

- Toàn xã có 6 trạm biến áp với tổng dung lượng các trạm là 1.210 KVA. Số đường dây hạ thế là 18km, số đường dây trung thế là 1,2km.
- Nguồn điện được đấu nối từ trạm 110KVA Thọ Xuân. Mạng lưới điện được phủ khắp toàn xã.

Đường dây cấp điện: sử dụng hệ thống đường dây cấp điện cũ trên cơ sở nâng cấp chất lượng tiến tới cáp bọc hóa đường dây. Kéo dài hệ thống đường dây cho khu dân cư mới.

- Quy hoạch mới 1 trạm (TBA 7) để đáp ứng cấp điện cho phát triển khu dân cư mới hình thành trong tương lai, dự kiến công suất tính toán của trạm biến áp này khoảng 400KVA.

6.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: hoạt đấu nối với ống cấp nước từ nhà máy nước Lam Sơn - Sao Vàng
- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước cho tất cả các hộ dân được sử dụng từ nhà máy nước sạch trong sinh hoạt.
- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, với tiết diện đường ống chính D32-D225. Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

6.4. Hệ thống thoát nước mưa

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở, đủ khả năng chống lại nguy cơ mực nước dâng cao trong trường hợp bất lợi nhất. Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

- Chọn các tuyến đường chính: Đường đôi ngoại, đường vành đai làm các trục phân lưu chính, san nền tạo dốc hướng về các trục tự thủy là các tuyến đường dọc sông. Nước mưa được thu về hệ thống cống thoát nước chạy dọc các tuyến này, thoát ra hệ thống sông. Phân chia thành các lưu vực cụ thể:

- + Lưu vực 1: Khu vực thôn 1 (phía Bắc kênh Nông Giang); thôn 2, thôn 3 chảy dọc sông Hoàng Giang;
- + Lưu vực 2: Khu vực phía Bắc kênh Nông Giang chạy dọc sông Hoàng Giang thuộc địa phận thôn 5;
- + Lưu vực 3: Thôn 4 phía Nam kênh Nông Giang dọc sông Hoàng Giang

+ Lưu vực 3: Thôn 2, thôn 3 phía Nam kênh Nông Giang chạy dọc sông Hoàng Giang

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt. Tiết diện đường ống chính: D1000, tiết diện đường ống nhánh : D600

6.5. Thoát nước thải vệ sinh môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt của các khu dân cư thôn (xóm) đã xử lý thô cho phép được tự ngấm, hoặc chảy tràn ra hệ thống ao hồ qua hệ thống cống, mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

Đối với nước thải chăn nuôi, và cơ sở sản xuất chế biến bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

6.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a. Thu gom, xử lý chất thải rắn:

- Hiện tại trên địa bàn xã giữ nguyên bãi rác hiện trạng. Về lâu dài rác thải được thu gom và vận chuyển trực tiếp đến khu xử lý xã Quảng Phú. Đảm bảo 100% các hộ đều tham gia thu gom rác thải đến khu tập trung của xã để vận chuyển đi xử lý.

b. Nghĩa trang nhân dân:

- Hiện trạng nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân chính, trong đó bố trí khu hungr táng, cát táng riêng, cụ thể như sau: Quy hoạch mới nghĩa trang vị trí phía Nam xã với diện tích 2.84ha..

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống đường điện
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng

b. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng mới khu trung tâm văn hoá, thể dục, thể thao xã, thôn.
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Giáo dục
- Dự án tái định dân cư tại các điểm vị trí được quy hoạch.
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được quy hoạch trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

c. Các dự án về sản xuất

- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, môi trường ...)

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Thực hiện theo Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

9. Giải pháp tổ chức thực hiện.

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền, đề cao vai trò của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

- Để thực hiện quy hoạch đạt kết quả tốt, cần có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp từ huyện, xã đến hộ nông dân, sự hỗ trợ giúp đỡ của các ban ngành và các doanh nghiệp. Cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo, chính quyền điều hành bằng các biện pháp, chính sách cụ thể; các ban ngành tham mưu công tác chỉ đạo; Mặt trận, các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các hội viên tham gia chương trình phát triển kinh tế có hiệu quả.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp lồng ghép nhiều nguồn lực, trong đó nguồn lực trong nhân dân là chủ yếu. Huyện có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế, tìm kiếm, thu hút lồng ghép các dự án.

- UBND xã phối hợp với các phòng, ban liên quan xây dựng kế hoạch một cách chi tiết, cụ thể và tổ chức thực hiện trên địa bàn đạt kết quả tốt.

- Trong quá trình thực hiện, hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả. Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các hộ dân điển hình để khích lệ, động viên.

b) Giải pháp về quản lý đất đai

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thuê đất, cấp quyền sử dụng đất cho các cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức, dịch vụ...đầu tư vào, nhằm sử dụng lợi thế của vùng,.

- Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình được giao đất phát triển theo quy hoạch, nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở yên tâm đầu tư sản xuất.

c) Giải pháp về tổ chức quản lý sản xuất

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật: Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhằm nâng cao sản lượng cây trồng vật nuôi, giảm thiệt hại về dịch bệnh, thiên tai; Luôn cập nhật thị trường những mặt hàng nông sản để nguồn cung và cầu ổn định, tạo tâm lý cho người dân yên tâm sản xuất.

- Đào tạo nguồn nhân lực: Nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ thuật của hộ gia đình, cá nhân cụ thể:

- + Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý, quy trình và cách thức làm giàu từ nông nghiệp.

- + Tổ chức các lớp chuyển giao kỹ thuật và công nghệ mới cho các hộ nông dân, hỗ trợ họ trong việc triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- + Đào tạo bằng nhiều hình thức như mở lớp tại địa phương, tham quan, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật...với sự tổ chức hỗ trợ của các cơ quan như Phòng kinh tế, Hội Nông dân, trung tâm khuyến nông...

d) **Đổi mới công tác tổ chức quản lý sản xuất**

- Quy hoạch khoanh vùng, lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp với từng đặc điểm tự nhiên của xã, nhằm tạo điều kiện cho các vùng trên địa bàn xã phát triển đồng đều trên cơ sở đầu tư, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, liên kết giữa các vùng để tạo nên sự phát triển kinh tế hài hoà trên địa bàn xã.

- Đối với vùng nông nghiệp: Đảm bảo vững chắc lương thực, tạo sản phẩm hàng hoá đạt chất lượng cao cho thị trường. Cần phát triển nông nghiệp toàn diện như: thâm canh cây lúa chất lượng cao, cây thực phẩm; chăn nuôi gia súc, gia cầm xa khu vực dân cư; nuôi trồng, khai thác thủy sản, dịch vụ trên cơ sở hình thành các khu xử lý môi trường, tránh ô nhiễm đất, nguồn nước, không khí.

e) **Giải pháp về thu hút đầu tư**

- Lồng ghép và thu hút đầu tư từ nhiều nguồn vốn như: vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, địa phương hỗ trợ, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay ngân hàng chính sách xã hội, vốn huy động từ cộng đồng dân cư.

- Tổ chức các hoạt động quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; các mục tiêu cần đạt được trong xây dựng nông thôn mới; mức độ, hình thức tham gia đóng góp của nhân dân và cộng đồng để nhân dân và cộng đồng hiểu rõ chủ động và tự giác tham gia.

- Huy động các nguồn lực sẵn có trong nhân dân tùy theo khả năng để đóng góp sức người, sức của; phát huy tính sáng tạo và sự tham gia đóng góp của nhân dân và các doanh nghiệp tại địa phương.

f) **Giải pháp về thông tin tuyên truyền**

- Tích cực thôn tin tin truyền trên các phương tiện thông tin, như loa phát thanh, điện thoại internet, trang web của xã, của huyện nhằm cung cấp đầy đủ thông tin một cách đầy đủ và chính xác nhất.

- Mở các lớp bồi dưỡng tại trung tâm xã, nhà văn hóa các thôn, Đảng viên và cán bộ xã luôn gương mẫu đi đầu thực hiện các chính sách cũng như chủ trương của nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. **Giao UBND xã Xuân Giang có trách nhiệm:**

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung phê duyệt, đóng dấu cơ quan thẩm định, cơ quan phê duyệt và cơ quan thỏa thuận, bàn giao đầy đủ hồ sơ cho UBND huyện Thọ Xuân để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Tổ chức công bố công khai tại công sở UBND xã, nhà văn hóa thôn và trên cổng thông tin điện tử của xã đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2030 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa, quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

2. **Phòng Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm:** Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện theo Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn UBND xã Xuân Giang thực hiện những nội dung liên quan; đồng thời, chủ động thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện có trách nhiệm đăng tải đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân đến năm 2030 lên cổng thông tin điện tử của huyện Thọ Xuân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện; Chủ tịch UBND xã Xuân Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Đình Sĩ